

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HS-ST
Ngày 23-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Thuận;

Ông Dương Đình Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2022/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 37/2022/QĐ-TA ngày 18/8/2022, đối với bị cáo:

Phùng Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn H, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị O, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền sự, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, đã được xóa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2022 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1998; địa chỉ: Số P, ngõ Q, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Ngô Quang T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số Y, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Phùng Thị Giang H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số P, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 30/4/2022, Phùng Văn T một mình điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 12V1-091.45 từ thành phố B về thành phố L. Khoảng 20 giờ 30 phút, Phùng Văn T về đến ngã tư M, thành phố L thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Phùng Văn T điều khiển xe mô tô đi quanh thành phố L tìm tài sản sơ hở thì trộm cắp, khi đi đến dãy nhà trọ hai tầng Số P, ngõ Q, đường B, phường Đ, thành phố L, thấy cổng khu nhà trọ không khóa, Phùng Văn T dựng xe mô tô cạnh cổng rồi đi bộ vào trong. Phùng Văn T quan sát thấy phòng trọ số 06 (của chị Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú tại khu Z, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn) tắt điện, cửa đóng và khóa ngoài. Khi Phùng Văn T cầm vào ổ khóa thì chốt khóa tự mở ra, Phùng Văn T đi vào phòng trọ đóng cửa, bật điện phòng lên, do dưới nhà không có tài sản gì nên Phùng Văn T đi lên gác xép tìm kiếm và phát hiện cuối giường ngủ có 01 chiếc hộp bằng bìa carton, bên trong có các hộp nhỏ (loại hộp dùng để đựng trang sức). Phùng Văn T mở các hộp nhỏ ra lấy được 02 nhẫn vàng tây, 03 nhẫn vàng ta, 01 nhẫn bạc, 01 mặt dây chuyền vàng tây nhỏ hình bông hoa. Phùng Văn T cất số trang sức trên vào túi quần rồi tắt điện, rời khỏi phòng, khóa cửa và điều khiển xe mô tô về nhà ở thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 10 giờ ngày 01/5/2021, Phùng Văn T điều khiển xe mô tô mang theo số tài sản trên ra thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để bán. Phùng Văn T bán 02 nhẫn vàng tây và 01 mặt dây chuyền vàng tây hình bông hoa bán cho Phùng Thị Giang H (sinh năm 1973, trú tại P, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn - chủ tiệm vàng T) được 1.700.000đồng. Còn 03 chiếc nhẫn vàng ta Phùng Văn T bán cho ông Ngô Quang T (sinh năm 1969, trú tại Số Y, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) được 11.000.000đồng, chiếc nhẫn bạc đã bị rơi trong quá trình di chuyển. Số tiền có được sau khi bán vàng Phùng Văn T đã sử dụng vào chi tiêu cá nhân, còn lại 3.300.000 đồng.

Toàn bộ tài sản trên anh T, chị H bán cho khách nên không thu hồi được.

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 31 ngày 05/5/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định: 01 nhẫn vàng ta (vàng 24K) khối lượng 01 chỉ trị giá 5.530.000 đồng; 01 nhẫn vàng ta (vàng 24K) khối lượng 0,5 chỉ trị giá 2.765.000 đồng, 01 nhẫn vàng ta (vàng 24K), khối lượng 0.686 chỉ trị giá 3.793.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 10K, khối lượng 0,275 chỉ trị giá 638.825 đồng. 02 nhẫn vàng tây và 01 nhẫn bạc không đủ căn cứ để định giá; tổng giá trị 12.727.405 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Phùng Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKS, ngày 15/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Văn T khai nhận: Ngày 30/4/2022, bị cáo đã thực hiện trộm cắp tài sản tại trọ số 06, dãy nhà trọ hai tầng Số P, ngõ Q, đường B, phường Đ, thành phố L, gồm 02 nhẫn vàng tây, 03 nhẫn vàng ta, 01 nhẫn bạc, 01 mặt dây chuyền vàng tây nhỏ hình bông hoa, bị cáo về nhà cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 01/5/2021, bị cáo mang theo số tài sản trên ra thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn bán 02 nhẫn vàng tây và 01 mặt dây chuyền vàng tây hình bông hoa bán cho chị Phùng Thị Giang H, địa chỉ Số P, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là chủ Tiệm vàng T, được 1.700.000đồng. Còn 03 chiếc nhẫn vàng ta bị cáo bán cho ông Ngô Quang T, địa chỉ Số Y, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được 11.000.000 đồng. Bị cáo trong quá trình di chuyển đã làm rơi 01 chiếc nhẫn bạc. Số tiền sau khi bán vàng bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân, khi bị bắt giữ chỉ còn lại 3.300.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại chị Hoàng Thị Bích L khai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/4/2022 chị đi làm về tại phòng trọ Số P/B, phường Đ, thành phố L thì phát hiện trong phòng xuất hiện các dấu giày lạ, các túi xách của chị bị mở, nghi đã bị trộm nên chị kiểm tra các đồ đạc trong nhà sau đó lên gác xếp của phòng trọ, chị phát hiện toàn bộ trang sức của chị đựng trong một hộp bìa catton đặt tại vị trí cạnh máy tính laptop ở cuối giường ngủ đã bị lấy mất. Chị có nhờ chủ nhà kiểm tra lại camera thì thấy vào khoảng 20 giờ 55 phút cùng ngày có 01 người đàn ông lạ mặt đeo khẩu trang, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1-091.45 biểu hiện bất thường đi vào dãy trọ, chị đã trình báo Công an. Tài sản chị bị mất gồm: 01 nhẫn vàng ta 0,5 chỉ; 01 nhẫn vàng ta 01 chỉ; 01 nhẫn vàng ta 0.686 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng tây khối lượng 0,275g; còn 01 nhẫn bạc; 02 nhẫn vàng tây chị không nhớ khối lượng, giá trị. Chị yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ tài sản cho chị theo giá Hội đồng định giá tài sản đã định giá có tổng giá trị 12.727.405 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng). Chị không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 01 chiếc nhẫn bạc, 02 chiếc nhẫn vàng tây và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường giá trị tài sản theo đề nghị của bị hại chị Hoàng Thị Bích L.

Tại Cơ quan Điều tra, tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Giang H trình bày: Bà là chủ Tiệm vàng T, khoảng 9 giờ 50 phút, ngày 01/5/2022 bà đang ở cửa hàng thì có một người đàn ông khoảng 35 tuổi mặc áo gió màu xanh mang 1 vài đồ trang sức đến bán (bà không nhớ rõ cụ thể là trang sức gì). Sau khi kiểm tra thấy số trang sức trên là loại vàng 10K, có trọng lượng gần 1 chỉ nên bà trả giá 1.700.000 đồng. Khi mua, bà không hỏi về nguồn gốc tài sản và người bán cũng không nói với bà là tài sản do trộm cắp mà có. Hôm sau, khi có người hỏi mua bà đã bán số vàng trên cho một người không quen biết với giá 2.000.000 đồng, bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại Cơ quan Điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quang T Trình bày: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 01/5/2022 ông đang ở cửa hàng một nam thanh niên lạ mặt khoảng 35 tuổi mặc áo gió màu xanh đến vào nói muốn bán 03 chiếc nhẫn vàng loại 24K, tổng trọng lượng khoảng 2 chỉ, ông trả giá 11.000.000 đồng và người đó đồng ý bán. Khi mua, ông không xuất hóa đơn hay ghi sổ sách gì. Hai hôm sau khi mua số vàng trên, ông đã bán lại số vàng trên cho một người không quen biết với giá 12.000.000 đồng. Do khách có nhu cầu bán, ông chỉ biết mua nên ông không biết là tài sản do trộm cắp mà có, ông không có đề nghị gì đối với bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn T mức án từ 18 tháng đến 20 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo không có điều kiện thi hành.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phùng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường dân sự cho bị hại chị Hoàng Thị Bích L số tiền 12.727.405 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng). Chị Hoàng Thị Bích L được nhận số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) đã thu giữ được của bị cáo. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị Hoàng Thị Bích L số tiền 9.427.405 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) đôi giày thể thao nhãn hiệu Ultra Light màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) túi đeo chéo màu nâu, chất liệu da, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân số 020092000378 mang tên Phùng Văn T; 01 (một) giấy đăng ký xe moto tên Phùng Văn T, loại xe ghi trong đăng ký Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469, không gương chiếu hậu, xây xước nhiều chỗ, đã qua sử dụng.

- Truy thu đối với bị cáo số tiền thu lợi bất chính 1.061.175 đồng (một triệu không trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi năm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phùng Thị Giang H, ông Ngô Quang T, nhưng những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về chứng cứ tài liệu trong vụ án được thu thập, bảo quản đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản, theo giá của Hội đồng định giá tài sản tố tụng Hình sự tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá 12.727.405 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phùng Văn T là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, vì vậy hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên cần xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của Viện kiểm sát.

[6] Xét về nhân thân bị cáo có 01 tiền sự, ngày 28/01/2013 theo Quyết định số 31/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, đã được xóa.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, để bị cáo giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần răn đe và phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh tại địa phương ngày 19/5/2022, xác định bị cáo không có thu nhập, tài sản cá nhân có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phùng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản, trị giá: 12.727.405 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng) cho chị Hoàng Thị Bích L.

[12] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Giang H, ông Ngô Quang T không có yêu cầu gì đối với bị cáo, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

[13] Về vật chứng của vụ án:

[13.1] Đối với 01 (một) đôi giày thể thao nhãn hiệu Ultra Light màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) túi đeo chéo màu nâu, chất liệu da, đã qua sử dụng, là vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy.

[13.2] Đối với 01 (một) căn cước công dân số 020092000378 và 01 (một) giấy đăng ký xe moto tên Phùng Văn T, loại xe ghi trong đăng ký Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469, là giấy tờ tùy thân trả lại cho bị cáo.

[13.3] Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469, không gương chiếu hậu, xây xước nhiều chỗ, đã qua sử dụng, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[13.4] Đối với số tiền 3.300.000 đồng, thu giữ được của bị cáo đựng trong một phong bì niêm phong, xác định đây là số tiền bị cáo đã bán vàng của chị Hoàng Thị Bích L mà có, bị cáo chưa tiêu hết, nên trả lại cho bị hại chị Hoàng Thị Bích L.

[13.5] Ngày 01/5/2022, xác định bị cáo đã bán 02 nhẫn vàng tây và 01 mặt dây chuyền vàng tây hình bông hoa cho bà Phùng Thị Giang H được số tiền

1.700.000 đồng. Đối với 01 mặt dây chuyền vàng 10K, theo giá của Hội đồng định giá có trị giá 638.825 đồng; còn 02 chiếc nhẫn vàng tây, Hội đồng định giá không xác định được giá trị, vì vậy theo tính giá trị thực tế 02 chiếc nhẫn vàng tây có trị giá (1.700.000 đồng - 638.825 đồng) là: 1.061.175 đồng (m. Tại phiên tòa bị hại chị Hoàng Thị Bích L không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 02 chiếc nhẫn vàng tây; tuy nhiên đây là số tiền thu lợi bất cần truy thu đối với bị cáo số tiền 1.061.175 đồng (một triệu không trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi năm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[14] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo, về trách bồi thường dân sự đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phùng Văn T mức án 18 (mười tám) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/5/2022.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phùng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị Hoàng Thị Bích L số tiền 12.727.405 đồng (mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng). Chị Hoàng Thị Bích L được nhận số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) đã thu giữ được của bị cáo. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị Hoàng Thị Bích L số tiền 9.427.405 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng:

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) đôi giày thể thao nhãn hiệu Ultra Light màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) túi đeo chéo màu nâu, chất liệu da, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân số 020092000378 mang tên Phùng Văn T và 01 (một) giấy đăng ký xe moto tên Phùng Văn T, loại xe ghi trong đăng ký Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám-đen, biển kiểm soát 12V1-091.45, số khung 0610GY307369, số máy G3D4E322469, không gương chiếu hậu, xây xước nhiều chỗ, đã qua sử dụng, trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Chị Hoàng Thị Bích L được nhận số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng), đựng trong một phong bì niêm phong.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Phùng Văn T 1.061.175 đồng (một triệu không trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi năm đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/7/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 471.370 đồng (bốn trăm bảy mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; tổng cộng số tiền là 671.370 đồng (sáu trăm bảy mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) để vào sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Giang H, ông Ngô Quang T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt

